

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HSST
Ngày: 01-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật;

2. Bà Vũ Thị Đào;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Việt Đ - sinh năm 1993; Nơi sinh: G – Kiên Giang

Nơi cư trú: khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Họ tên Cha: Lê Văn S, sinh năm 1965; Họ tên Mẹ: Trần Ngọc T, sinh năm 1966; Bị cáo có 03 người chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, bị cáo là người con nhỏ nhất trong gia đình; Họ tên vợ: Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 người con ruột, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị khởi tố và ra lệnh bắt bị can để tạm giam ngày 29/4/2020. Đến ngày 02/7/2020 ra quyết định truy nã bị can, ngày 06/9/2020 bắt được bị can và tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Đến ngày 12/01/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho gia đình bảo lãnh đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Danh K – sinh năm 2001 (có mặt);

Trú tại: ấp P, xã VB, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Ngọc G – sinh năm 1977 (có mặt);

Trú tại: khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

Danh H – sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt);
 Trú tại: ấp 5, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
 Trịnh Thành N – sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt).
 Trú tại: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 23/01/2020, bị cáo tổ chức uống rượu cùng với Thị M, Lý V, Danh H, Trịnh Thành N, Danh L (bạn M) và T (bạn L) tại nhà Thị M thuộc ấp AH, xã VB, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đến 23 giờ cùng ngày, Danh Q nhắn tin qua Zalo cho bị cáo với nội dung “có chuyện”. Sau đó, bị cáo nhờ Lý V chạy xe đi rước Danh Q lại nhà M. Tại đây, Danh Q kể lại nội dung sự việc Danh H (anh họ Danh K) đòi đánh Q và rủ bị cáo đến nhà Danh K để “nói chuyện”, kể xong, bị cáo kêu trong nhóm lấy hung khí đi đến nhà Danh K để nói chuyện. Lúc này, Danh Q nói “Bên bên không giám đâu, đem hung khí đi làm chi”, nhưng bị cáo kiên quyết đem theo và bị cáo lấy 01 cây dao tự chế (loại dao mèo) dài khoảng 40cm và lên xe đi. Tất cả có 05 người cùng đi gồm bị cáo, Danh L, Danh Q, Danh H và Trịnh Thành N đi trên 02 xe mô tô. Khi đi, bị cáo không nhớ rõ đi chung xe với ai, chỉ nhớ xe của Q chạy trước. Khi đến nhà bà Thị S thuộc ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, Danh Q đi vào sân và gọi Danh K ra nói chuyện, lúc này bị cáo đang đứng ngoài lộ đāl nhìn thấy Danh K chạy ra, sợ Danh K đánh Q nên bị cáo chạy vào sân và dùng dao tự chế chém nhiều nhát vào người Danh K. Sau đó, bị cáo nghỉ chém đi về nhà bạn gái M và ném dao xuống kênh xáng, anh K được người nhà đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang, sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ tiếp tục điều trị thương tích, đến ngày 31/01/2020 xuất viện (BL số: 41 – 44, 51 - 66).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 165/KL-PY ngày 18/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- *Sẹo phần mềm vùng đỉnh phải, cẳng tay phải (vết 1, 2), vùng cẳng – cổ tay phải, ngón V bàn tay phải, bàn tay trái (vết 1, 2) và ngón I bàn tay trái.*
- *Đứt gân duỗi ngón I, II, III bàn tay trái, đã được phẫu thuật điều trị. Hiện tại bàn tay trái còn sưng.*
- *Mẻ bả ngoài xương sọ vùng đỉnh phải.*
- *Mẻ xương bàn ngón II tay trái.*
- *Gãy (đứt) xương đốt ngón V bàn tay phải. Hiện tại xương chưa liền, còn di lệch và cứng khớp liên đốt.*

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở: Vùng đầu: 09%; cẳng tay phải là: 02%; Vết 1 là: 01%, vết 2 là: 01%. Vùng cẳng - cổ tay phải là: 01%. Ngón V bàn tay phải là: 05%; Bàn tay trái: 05%; Ngón I bàn tay trái là: 01%.

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 21% (hai mươi mốt phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Vật sắc (BL số: 178 – 181).

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSND-GQ, ngày 05/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Lê Việt Đ về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Lê Việt Đ và đề nghị:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Việt Đ từ 12 đến 18 tháng tù.

- *Về vật chứng*: 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 40cm là hung khí Lê Việt Đ chém bị hại Danh K. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu được (BL số: 98).

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc điều trị, tổn thất tinh thần, ngày công lao động và các chi phí khác với tổng số tiền 24.436.593đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm chín mươi ba đồng). Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Danh K số tiền trên và đã khắc phục được 13.000.000đồng, số tiền còn lại sẽ tiếp tục bồi thường cho bị hại.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện G ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Việt Đ và anh Danh K về việc bồi thường các khoản tiền nêu trên.

Đối với Danh Q, Danh L, Danh H và Trịnh Thành N là những người đi chung với bị can Đức, xét thấy việc đi chém Danh K không có tổ chức. Mặt khác, bị hại khai nhận thương tích trên người anh là do bị can Đức chém gây ra, Danh Q có đánh nhưng không gây thương tích (riêng Danh Q không thừa nhận có đánh Danh K). Đồng thời, bị hại chỉ yêu cầu xử lý Lê Việt Đ theo quy định. Nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Danh Q, Danh L, Danh H và Trịnh Thành N với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị hại Danh K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại 11.436.593đ vào thời gian sớm nhất để bị hại trả lại cho chủ nợ. Bị cáo xin được bồi thường cho bị hại sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Ngọc G không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền 13.000.000đ mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Người làm chứng Danh H, Trịnh Thành N được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người làm chứng trên là phù hợp theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận vào khoảng hơn 23 giờ ngày 23/01/2020 tại nhà bà Thị S thuộc ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang nhìn thấy Danh K trong nhà đi ra chỗ Danh Q đang đứng, sợ Danh K đánh Danh Q nên bị cáo cầm dao tự chế xông tới chém anh K nhiều nhát, dẫn đến gây ra thương tích cho Danh K với tỷ lệ thương tích là 21% (hai mươi một phần trăm).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng số 02/CT-VKSND-GQ, ngày 05/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G và các chứng cứ khác có trong hồ sơ mà quá trình điều tra thu thập được.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, các bị cáo biết được sức khỏe con người là vốn Q được Nhà nước bảo hộ và nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến nhưng với bản chất côn đồ, hung hãn, bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng và sức khỏe của người khác nên bị cáo đã dùng hung khí là dao tự chế cố ý gây thương tích cho bị hại. Hội đồng xét xử chấp nhận lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện G đối với bị cáo. Thương tích của bị cáo gây ra cho bị hại Danh K là 21%, hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích là hung khí nguy hiểm quy định tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự, nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Việt Đ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo vận động người thân khắc phục một phần hậu quả cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

Sau khi đã xem xét đầy đủ toàn diện, khách quan các tình tiết của vụ án, đối chiếu với quy định pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những cố ý trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn làm mất trật tự - an toàn xã hội ở địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án

tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt cho xã hội.

[6]. **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Việt Đ và bị hại Danh K là bị cáo bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 24.436.593đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm chín mươi ba đồng). Bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 13.000.000 đồng (bị cáo đã giao xong cho bị hại 8.000.000đ và ngày 14/01/2021, bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 04473 để bồi thường cho anh Danh K). Còn lại số tiền 11.436.593đ, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Ngọc G không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền 13.000.000đ mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên không xem xét.

[7]. **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Việt Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 571.829 đồng (năm trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lê Việt Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- **Áp dụng:** điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Việt Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 06/9/2020 đến ngày 12/01/2021.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Việt Đ và bị hại Danh K là bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 24.436.593đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm chín mươi ba đồng). Bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 13.000.000 đồng (bị cáo đã giao xong cho bị hại 8.000.000đ và ngày 14/01/2021, bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 04473 để bồi thường cho anh Danh K). Còn lại số tiền 11.436.593đ, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Việt Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 571.829 đồng (năm trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

*** Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 01/02/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/02/2021).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Cơ quan CSĐT CA huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Nghè